TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **244**/2018/QĐST-VHNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 16 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thụ lý số 735/2018/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Trần Thị T., sinh năm 1970

Đăng ký hộ khẩu: Số 24D đường T., phường P., quận H., thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: 16 (số mới: 3 ngõ 16) phố N., phường B., quận H., thành phố Hà Nội.

- Anh Lê Xuân C., sinh năm: 1967

Đăng ký hộ khẩu và ở tại: 16 (số mới: 3 ngõ 16) phố N., phường B., quận H.,, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Mục 1.1-1.II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc ly hôn.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Trần Thị T., sinh năm 1970

- **Anh Lê Xuân C.,** sinh năm: 1967

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T. và anh Lê Xuân C. cùng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị T. và anh Lê Xuân C. cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là: Lê Minh Đ., sinh ngày: 09/8/1995 và Lê Văn P., sinh ngày: 29/01/2000. Hai con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường và có khả năng lao động. Khi ly hôn, chị T. và anh C. không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Trần Thị T. và anh Lê Xuân C. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Trần Thị T. và anh Lê Xuân C. cùng xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T. tự nguyện chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004423 ngày 06/11/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường B., quận H., HN (Số 70 quyển 07/94 đăng ký ngày 01/12/1994);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Phương